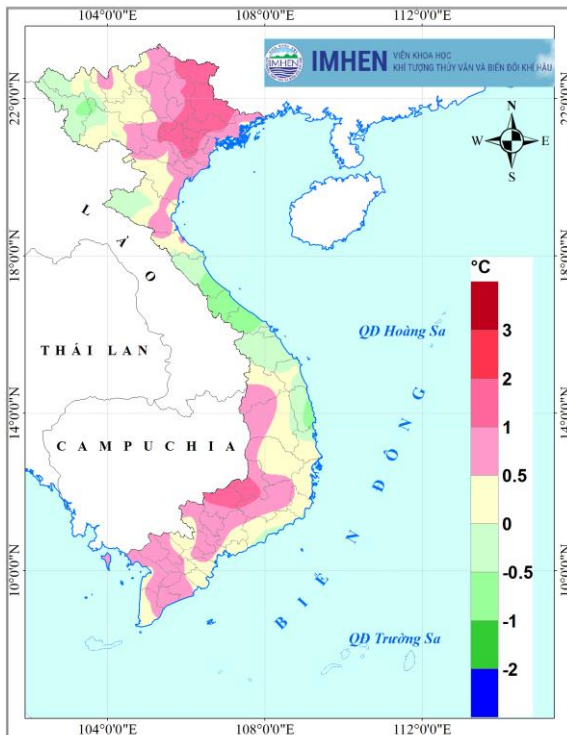
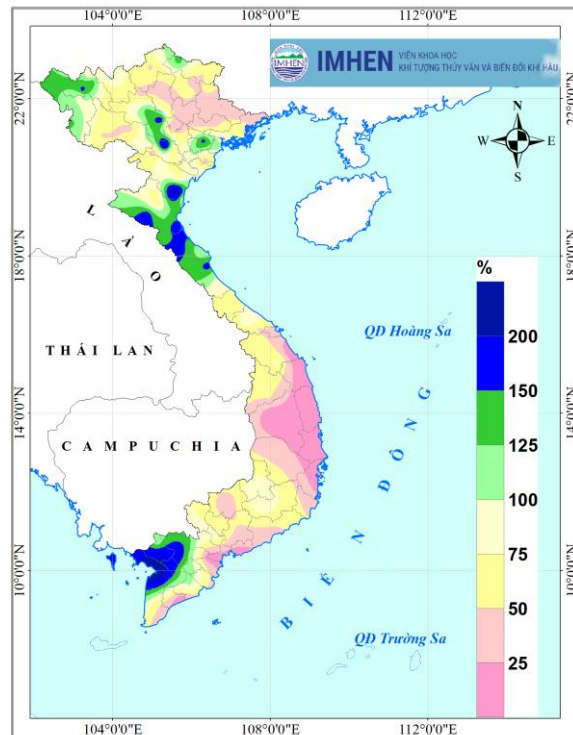


# THÔNG BÁO VÀ DỰ BÁO KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 6, 7, 8 NĂM 2025



(a)



(b)

Chuẩn sai nhiệt độ (a) và tỷ chuẩn lượng mưa (b) tháng 4/2025



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KHÍ TƯỢNG - KHÍ HẬU  
CENTER FOR METEOROLOGY AND CLIMATOLOGY

Hà Nội, tháng 05 - 2025

## MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU.....	5
DANH MỤC HÌNH VẼ.....	5
PHẦN I: DIỄN BIẾN KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 2, 3, 4 NĂM 2025 .....	6
1.1. Diễn biến khí hậu trên thế giới và khu vực .....	6
1.2. Diễn biến khí hậu ở Việt Nam.....	7
1.2.1. Nhiệt độ .....	7
1.2.2. Lượng mưa .....	9
1.2.3. Tổng số giờ nắng, tổng lượng bốc hơi và chỉ số ẩm .....	11
1.2.4. Một số hiện tượng khí tượng đặc biệt .....	13
PHẦN II: DỰ BÁO KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 6-8 NĂM 2025 .....	15
2.1. Dự báo hiện tượng ENSO và khí hậu khu vực.....	15
2.1.1. Hiện tượng ENSO .....	15
2.1.2. Dự báo khí hậu khu vực .....	15
2.2. Dự báo khí hậu cho Việt Nam.....	17
2.2.1. Dự báo nhiệt độ .....	17
2.2.2. Dự báo lượng mưa.....	17
2.2.3. Hiện tượng cực đoan .....	17
PHẦN III: NHẬN ĐỊNH KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 6-8 NĂM 2025.....	18

Thông báo và Dự báo khí hậu do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, Bộ Nông nghiệp và Môi trường soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Nội dung của “Thông báo và Dự báo khí hậu” được đăng tải trên Internet theo địa chỉ: <http://www.imh.ac.vn>.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, Số 23/62, Đường Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

Điện thoại: +84 24 - 37 731 410 / +84 24 - 37 756 613

Email: [vt\\_vkttv\\_khdt@mae.gov.vn](mailto:vt_vkttv_khdt@mae.gov.vn).

**DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT**

STT	Chữ viết tắt	Ý nghĩa
1	A	Chỉ số âm
2	ATNĐ	Áp thấp nhiệt đới
3	BOM	Cơ quan Khí tượng Úc (Bureau of Meteorology)
4	CPC	Trung tâm Dự báo Khí hậu Hoa Kỳ (Climate Prediction Center)
5	CS	Chuẩn sai
6	ECMWF	Trung tâm Dự báo Thời tiết Hạn vừa châu Âu (European Centre for Medium-Range Weather Forecasts)
7	GMMH	Gió mùa mùa hè
8	IRI	Viện Nghiên cứu Quốc tế về Xã hội và Khí hậu, Trường Khí hậu Columbia, Đại học Columbia, Mỹ (International Research Institute for Climate and Society, The Columbia Climate School, Columbia University)
9	KKL	Không khí lạnh
10	KTTV	Khí tượng thủy văn
11	LMNLN	Lượng mưa ngày lớn nhất
12	NĐTB	Nhiệt độ trung bình
13	NĐTCTB	Nhiệt độ tối cao trung bình
14	NĐTCTĐ	Nhiệt độ tối cao tuyệt đối
15	NĐTTTB	Nhiệt độ tối thấp trung bình
16	NĐTTTĐ	Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối
17	SNM	Số ngày mưa
18	SOI	Chỉ số dao động Nam (Southern Oscillation Index)
19	SST	Nhiệt độ mặt nước biển (Sea Surface Temperature)
20	SSTA	Chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển (Surface Temperature Anomaly)
21	TBD	Thái Bình Dương
22	TBNN	Trung bình nhiều năm
23	TC	Tỷ chuẩn
24	TLBH	Tổng lượng bốc hơi
25	TLM	Tổng lượng mưa
26	TSGN	Tổng số giờ nắng
27	XĐ	Xích đạo
28	XTNĐ	Xoáy thuận nhiệt đới

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1. Đặc trưng nhiệt độ tháng 4/2025 tại một số trạm tiêu biểu.....	9
Bảng 1.2. Đặc trưng lượng mưa tháng 4/2025 tại một số trạm tiêu biểu .....	11
Bảng 2.1. Dự báo xác suất nhiệt độ và lượng mưa mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 .....	20

## DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1.1. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển trung bình mùa 3 tháng 2-4 năm 2025 (°C) .....	6
Hình 1.2. Diễn biến chỉ số số SOI (5/2020 - 4/2025) .....	6
Hình 1.3. Diễn biến chỉ số SSTA (°C) tại khu vực NINO3.4 (5/2020 - 4/2025) .....	6
Hình 1.4. Phân bố chuẩn sai NĐTĐB mùa 3 tháng 2-4 năm 2025 (°C) trên khu vực châu Á....	7
Hình 1.5. Phân bố chuẩn sai TLM mùa 3 tháng 2-4 năm 2025 (mm) trên khu vực châu Á....	7
Hình 1.6. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình mùa 3 tháng 2-4 năm 2025 (°C).....	8
Hình 1.7. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng 4/2025 (°C).....	8
Hình 1.8. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình mùa 3 tháng 2-4 năm 2025 (°C).....	8
Hình 1.9. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình tháng 4/2025 (°C).....	8
Hình 1.10. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình mùa 3 tháng 2-4 năm 2025 (°C)...	8
Hình 1.11. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình tháng 4/2025 (°C).....	8
Hình 1.12. Phân bố tổng lượng mưa mùa 3 tháng 2-4 năm 2025 (mm).....	10
Hình 1.13. Phân bố tỷ chuẩn lượng mưa mùa 3 tháng 2-4 năm 2025 (%).....	10
Hình 1.14. Phân bố lượng mưa tháng 4/2025 (mm).....	10
Hình 1.15. Phân bố tỷ chuẩn lượng mưa tháng 4/2025 (%).....	10
Hình 1.16. Phân bố chuẩn sai số ngày mưa mùa 3 tháng 2-4 năm 2025 (ngày) .....	10
Hình 1.17. Phân bố chuẩn sai số ngày mưa tháng 4/2025 (ngày) .....	10
Hình 1.18. Phân bố tổng số giờ nắng mùa 3 tháng 2-4 năm 2025 (giờ) .....	12
Hình 1.19. Phân bố tổng số giờ nắng tháng 4/2025 (giờ) .....	12
Hình 1.20. Phân bố tổng lượng bốc hơi mùa 3 tháng 2-4 năm 2025 (mm).....	12
Hình 1.21. Phân bố tổng lượng bốc hơi tháng 4/2025 (mm).....	12
Hình 1.22. Phân bố chỉ số ẩm mùa 3 tháng 2-4 năm 2025.....	12
Hình 1.23. Phân bố chỉ số ẩm tháng 4/2025.....	12
Hình 2.1. Dự báo SSTA mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 .....	16
Hình 2.2. Dự báo SSTA tại khu vực NINO3.4 mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 .....	16
Hình 2.3. Dự báo xác suất nhiệt độ mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 cho khu vực châu Á.....	16
Hình 2.4. Dự báo chuẩn sai nhiệt độ mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 .....	16
Hình 2.5. Dự báo xác suất lượng mưa mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 cho khu vực châu Á.....	17
Hình 2.6. Dự báo chuẩn sai lượng mưa mùa 3 tháng 6-8 năm 2025.....	17
Hình 2.7. Dự báo xác suất (a,b,c) và chuẩn sai (d) nhiệt độ mùa 3 tháng 6-8 năm 2025.....	19
Hình 2.8. Dự báo xác suất (a, b, c) và chuẩn sai (d) lượng mưa mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 19	

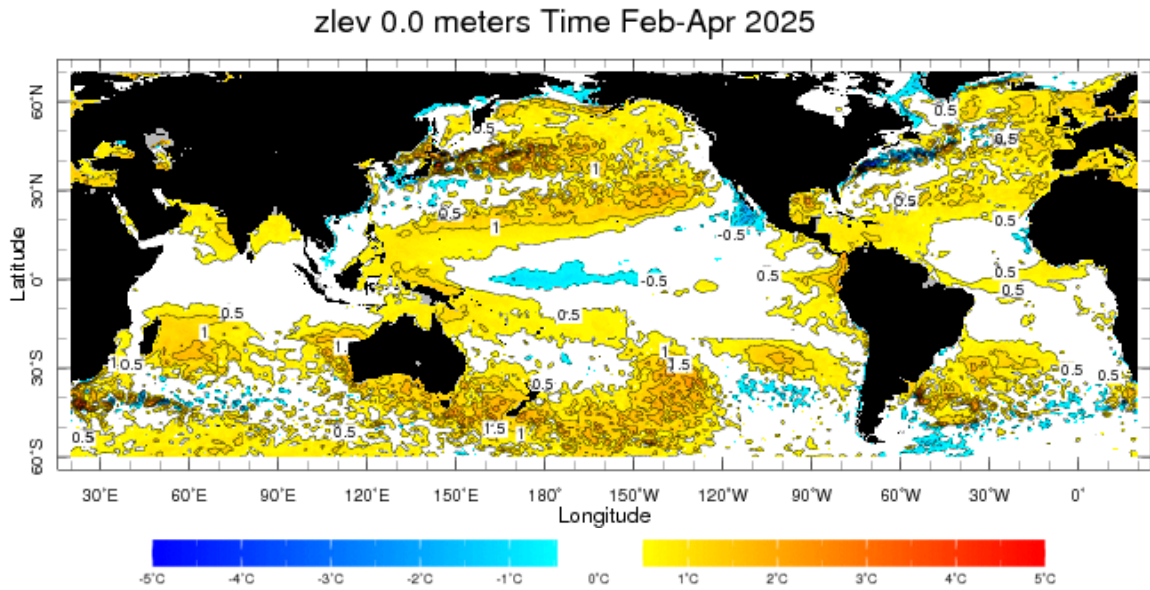
**PHẦN I: DIỄN BIẾN KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 2, 3, 4 NĂM 2025**

**1.1. Diễn biến khí hậu trên thế giới và khu vực**

**Diễn biến ENSO, gió mùa và tín phong:**

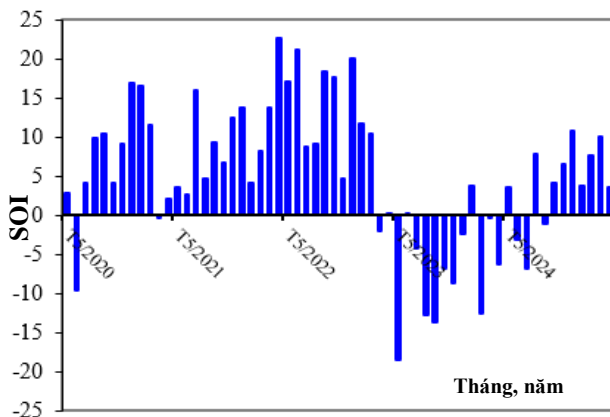
Bản tin của Trung tâm Dự báo Khí hậu Hoa Kỳ (CPC) ngày 8/5/2025: Trong tháng 4/2025, *hệ thống khí quyển - đại dương phản ánh các điều kiện trung tính của ENSO*, với nhiệt độ mặt nước biển (SST) xấp xỉ trung bình nhiều năm (TBNN) trên hầu hết các khu vực xích đạo Thái Bình Dương (XĐTBD).

Hình 1.1 cho thấy, chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển (SSTA) trung bình mùa tháng 2-4 năm 2025 ở phía Tây và Đông XĐTBD từ 0 đến 0,5°C; khu vực Trung tâm từ -0,5 đến 0°C. Trong 3 tháng qua, tại khu vực NINO3.4, SSTA có giá trị lần lượt là -0,35°C; 0,1°C và -0,16°C (Hình 1.2). Chỉ số dao động Nam (SOI) trong 3 tháng là 3,7; 7,7 và 13,2 (Hình 1.3). Chuẩn sai chỉ số gió tín phong (m/s) ở các khu vực XĐTBD: (1) Phía Tây: 3,3; 5,8 và 3,0; (2) Trung tâm: 2,4; 1,2 và 1,3; (3) Phía Đông: -1,4; -1,7 và -0,6. *Như vậy, trung bình 3 tháng qua, hoạt động của gió tín phong cao hơn TBNN ở phía Tây và Trung tâm, thấp hơn TBNN ở phía Đông.*



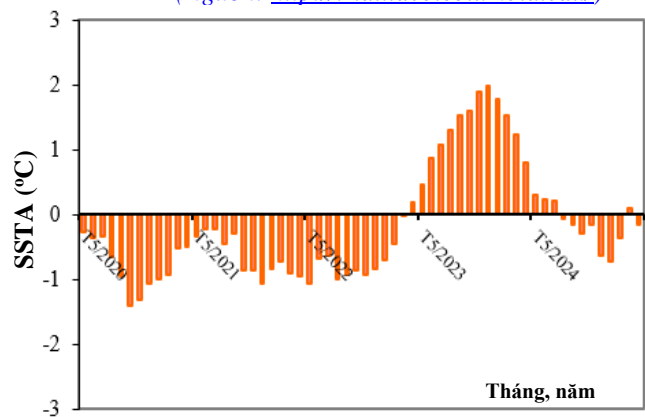
**Hình 1.1. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển trung bình mùa 3 tháng 2-4 năm 2025 (°C)**

(Nguồn: <http://iridl.ldeo.columbia.edu/>)



**Hình 1.2. Diễn biến chỉ số SOI (5/2020 - 4/2025)**

(Nguồn: [www.bom.gov.au](http://www.bom.gov.au))

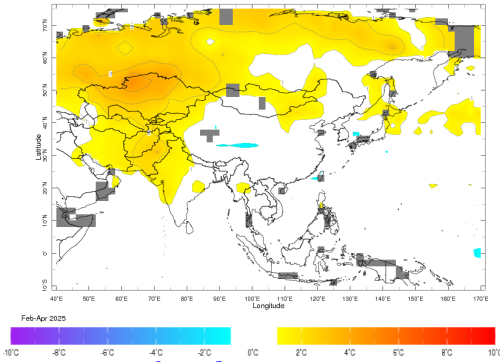


**Hình 1.3. Diễn biến chỉ số SSTA (°C) tại khu vực NINO3.4 (5/2020 - 4/2025)**

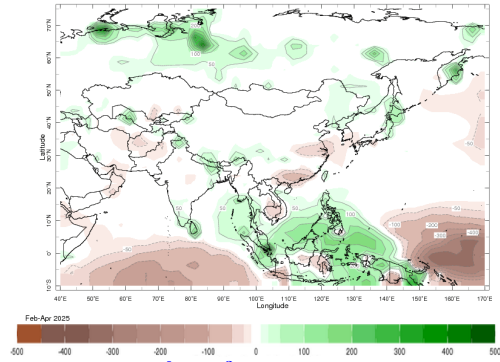
(Nguồn: <http://www.cpc.ncep.noaa.gov>)

Theo bản tin của Viện Nghiên cứu Quốc tế về Xã hội và Khí hậu (IRI), nhiệt độ trung bình (NĐTĐB) mùa 3 tháng 2-4 năm 2025 có giá trị từ xấp xỉ đến cao hơn TBNN trên hầu hết diện tích châu Á, với chuẩn sai dao động từ 0 đến trên 3,0°C. Đối với lãnh thổ Việt Nam, NĐTĐB mùa 3 tháng qua xấp xỉ TBNN trên phạm vi cả nước (Hình 1.4).

Tổng lượng mưa (TLM) mùa 3 tháng 2-4 năm 2025 ở mức xấp xỉ đến cao hơn TBNN từ 50 đến trên 200 mm trên đa phần diện tích Đông Nam Á; thấp hơn TBNN 25 – 50 mm xảy ra ở Lào. Đối với lãnh thổ Việt Nam, TLM mùa 3 tháng qua xấp xỉ TBNN trên phạm vi cả nước (Hình 1.5).



Hình 1.4. Phân bố chuẩn sai NĐTĐB mùa 3 tháng 2-4 năm 2025 (°C) trên khu vực châu Á  
(Nguồn: <http://iridl.ldeo.columbia.edu/>)



Hình 1.5. Phân bố chuẩn sai TLM mùa 3 tháng 2-4 năm 2025 (mm) trên khu vực châu Á  
(Nguồn: <http://iridl.ldeo.columbia.edu/>)

## 1.2. Diễn biến khí hậu ở Việt Nam

### 1.2.1. Nhiệt độ

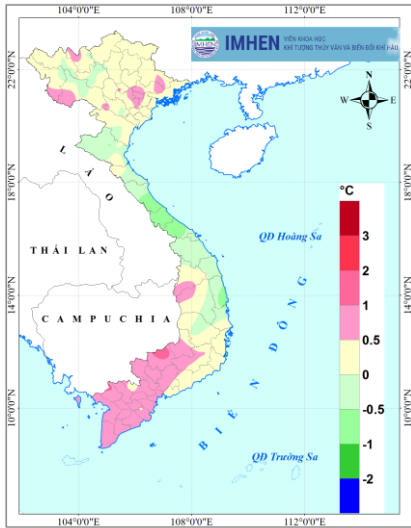
NĐTĐB mùa 3 tháng 2-4 năm 2025 từ gần 14,5 đến trên 29°C, cao hơn TBNN từ 0,1 đến 1,0°C xảy ra ở Bắc Bộ, Tây Nguyên, cực nam Trung Bộ và Nam Bộ; thấp hơn TBNN từ 0,1 đến gần 1,0°C ở đại bộ phận diện tích Trung Bộ (Hình 1.6). NĐTĐB tháng 4/2025 từ gần 18 đến trên 30°C, cao hơn TBNN chủ yếu từ 0,1 đến 1,5°C ở hầu hết Đông Bắc, Đồng bằng Bắc Bộ, khu vực Thanh Hóa - Nghệ An, cực nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ; thấp hơn TBNN từ 0,1 đến gần 1°C ở Tây Bắc và khu vực từ Hà Tĩnh đến Bình Định (Hình 1.7 và Bảng 1.1).

Nhiệt độ tối cao trung bình (NĐTCTB) mùa 3 tháng 2-4 năm 2025 dao động từ 17,5 đến trên 34,5°C; thấp hơn TBNN từ 0,1 đến 2,0°C ở Tây Bắc, Trung Bộ, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ; cao hơn TBNN từ 0,1 đến trên 1°C ở Đông Bắc, Đồng bằng Bắc Bộ và Tây Nam Bộ (Hình 1.8). NĐTCTB tháng 4/2025 dao động từ gần 21,5 đến trên 35,5°C, cao hơn TBNN từ 0,1 đến gần 3°C trên phần lớn diện tích cả nước; thấp hơn TBNN từ 0,1 đến 2,0°C Tây Bắc và Trung Trung Bộ (Hình 1.9).

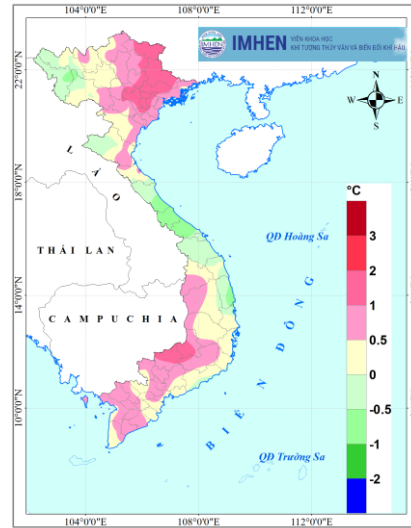
Nhiệt độ tối cao tuyệt đối (NĐTCTĐ) mùa 3 tháng 2-4 năm 2025 và trong tháng 4/2025 phổ biến từ 30 đến 40°C. Giá trị lớn nhất quan trắc được trong tháng 4/2025 là 40,4°C tại Con Công (Nghệ An) vào ngày 22.

Nhiệt độ tối thấp trung bình (NĐTĐTTB) mùa 3 tháng 2-4 năm 2025 từ gần 12 đến trên 26°C, cao hơn TBNN từ 0,1 đến gần 2°C trên phần lớn lãnh thổ; thấp hơn TBNN từ 0,1 đến 0,5°C ở Bắc Trung Bộ (Hình 1.10). NĐTĐTTB tháng 4/2025 từ 14,5 đến trên 27°C; cao hơn TBNN chủ yếu từ 0,1 đến 1,5°C trên đa phần diện tích cả nước, thấp hơn TBNN từ 0,1 đến 0,8°C ở Bắc và Trung Trung Bộ (Hình 1.11 và Bảng 1.1).

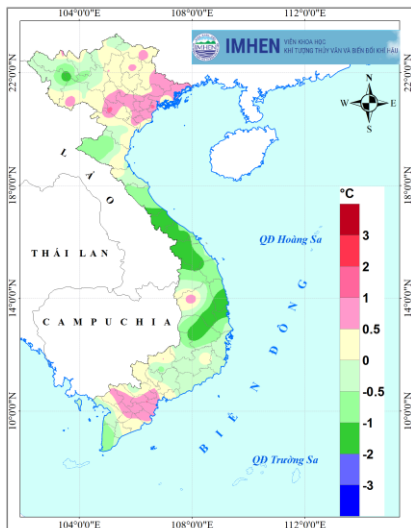
Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối (NĐTĐTTĐ) mùa 3 tháng 2-4 năm 2025 từ 7 đến 21,5°C và trong tháng 4/2025 phổ biến ở từ 10 đến 25°C. Giá trị thấp nhất trong tháng 4/2025 là 6,7°C quan trắc được tại Sa Pa (Lào Cai) vào ngày 1.



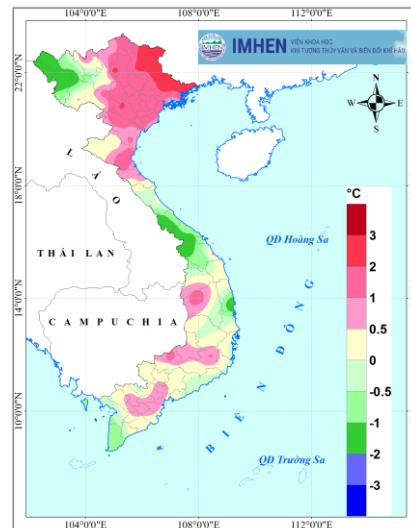
Hình 1.6. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình mùa 3 tháng 2-4 năm 2025 (°C)



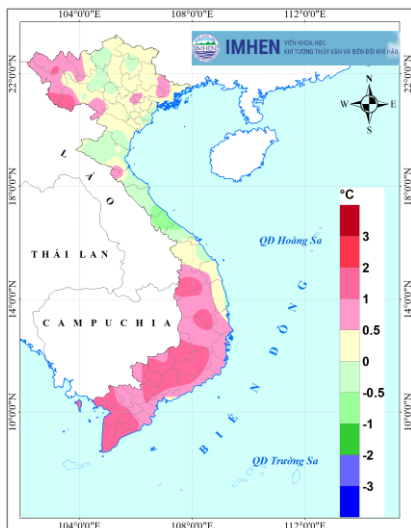
Hình 1.7. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng 4/2025 (°C)



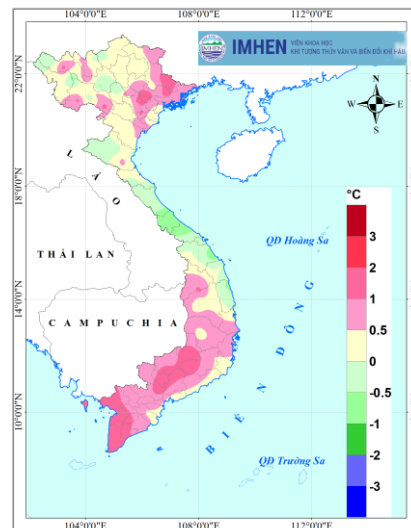
Hình 1.8. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình mùa 3 tháng 2-4 năm 2025 (°C)



Hình 1.9. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình tháng 4/2025 (°C)



Hình 1.10. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình mùa 3 tháng 2-4 năm 2025 (°C)



Hình 1.11. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình tháng 4/2025 (°C)

**Bảng 1.1. Đặc trưng nhiệt độ tháng 4/2025 tại một số trạm quan trắc**

Trạm	Nhiệt độ trung bình (°C)		Nhiệt độ tối cao (°C)			Nhiệt độ tối thấp (°C)		
	NĐTB	CS	NĐTCTB	CS	NĐTCTĐ	NĐTTTB	CS	NĐTTTĐ
Điện Biên	23,4	-0,4	29,7	-1,1	34,8	19,7	0,2	15,2
Sơn La	23,4	0,0	29,8	0,1	35,2	19,1	0,1	11,3
Sa Pa	17,7	0,7	21,3	0,1	26,3	14,5	0,4	6,7
Bắc Quang	24,8	0,7	29,8	1,2	36,1	21,4	0,0	15,1
Lạng Sơn	24,0	1,7	29,5	2,9	36,7	20,5	1,3	12,4
Thái Nguyên	24,9	1,0	28,7	1,3	35,1	22,4	0,8	16,1
Láng	25,5	1,3	29,6	1,8	36,0	23,1	1,1	16,4
Bãi Cháy	23,8	0,3	26,1	-0,1	28,9	22,3	0,6	15,3
Phù Lũng	23,7	0,6	28,1	1,6	34,0	21,5	0,3	14,5
Thanh Hoá	24,4	0,7	28,0	0,9	32,3	22,2	0,5	16,3
Vinh	24,9	0,4	29,0	0,7	36,3	22,5	0,2	14,6
Huế	25,2	-0,8	30,4	-0,7	36,8	22,0	-0,7	17,2
Đà Nẵng	26,3	-0,2	30,6	-0,4	36,0	23,6	-0,2	19,4
Quy Nhơn	27,0	-0,9	30,4	-1,7	32,9	24,9	-0,3	22,0
Nha Trang	27,5	0,1	30,9	-0,2	33,4	25,4	0,6	23,0
Phan Thiết	28,3	-0,2	31,8	-0,3	33,5	25,9	0,4	24,5
Plây cu	25,1	0,7	32,5	1,4	36,2	20,0	0,3	16,7
B.M. Thuật	26,4	0,2	33,4	-0,2	36,2	22,0	0,4	19,2
Đà Lạt	19,9	0,9	26,4	1,1	30,2	15,3	0,5	13,1
Tân Sơn Nhất	30,1	0,8	35,5	0,9	37,1	27,1	1,3	25,0
Vũng Tàu	29,0	0,1	32,1	0,2	34,0	27,0	0,0	25,5
Rạch Giá	29,4	0,4	33,2	-0,3	34,2	27,1	1,5	25,7
Cần Thơ	29,2	0,7	34,5	0,9	35,7	25,9	0,9	25,0
Cà Mau	29,2	0,5	32,9	-0,9	35,1	27,2	1,9	25,7

(Chú thích: NĐTB: Nhiệt độ trung bình; CS: Chuẩn sai; NĐTCTB: Nhiệt độ tối cao trung bình; NĐTCTĐ: Nhiệt độ tối cao tuyệt đối; NĐTTTB: Nhiệt độ tối thấp trung bình; NĐTTTĐ: Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối).

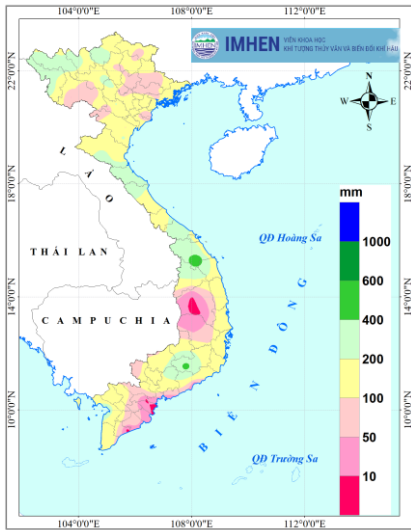
### 1.2.2. Lượng mưa

Trong mùa 3 tháng 2-4 năm 2025, tổng lượng mưa (TLM) ở nước ta phổ biến từ 50 đến 300 mm (Hình 1.12). Lượng mưa thấp hơn TBNN ở Bắc Bộ, Tây Nguyên và phần lớn Nam Bộ, với tỷ chuẩn lượng mưa chủ yếu từ 25 đến 90%. Lượng mưa cao hơn TBNN xảy ra chủ yếu ở Trung Bộ, với tỷ chuẩn lượng mưa từ trên 100 đến 170% (Hình 1.13).

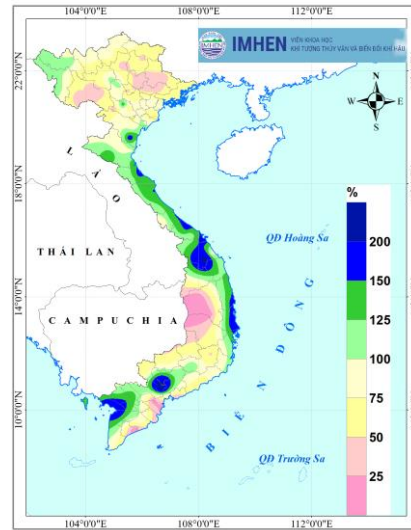
Trong tháng 4/2025, TLM ở nước ta phổ biến từ 10 đến 200 mm (Hình 1.14 và Bảng 1.2); một số nơi thuộc Nam Trung Bộ cả tháng không có mưa như Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Hoài Nhơn và Tuy Hòa. Lượng mưa thấp hơn TBNN trên đại bộ phận diện tích cả nước, trong đó một phần nhỏ Đông Bắc, Nam Trung Bộ và Bắc Tây Nguyên có tỷ chuẩn lượng mưa dưới 50%. Lượng mưa cao hơn TBNN tập trung chủ yếu ở phía bắc của Bắc Trung Bộ và Tây Nam Bộ, với tỷ chuẩn từ trên 100 đến 180% (Hình 1.15).

Lượng mưa ngày lớn nhất (LMNLN) trong mùa 3 tháng 2-4 năm 2025 phổ biến từ 10 đến 80 mm; trong tháng 4/2025 phổ biến từ 5 đến 80 mm (Bảng 1.2). Giá trị lớn nhất của LMNLN tháng 4/2025 là 102 mm quan trắc được tại Tam Đường (Lai Châu) vào ngày 13.

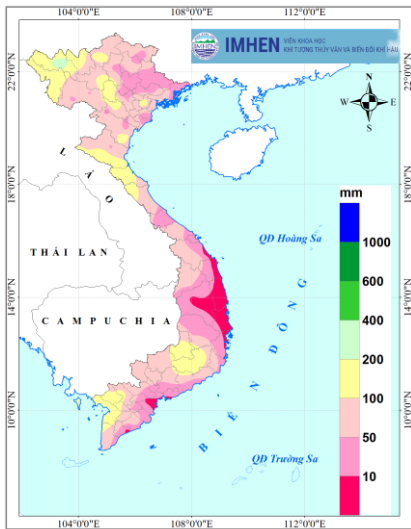
Số ngày mưa (SNM) trong mùa 3 tháng 2-4 năm 2025 thấp hơn TBNN chủ yếu từ 1 đến 10 ngày ở Bắc Bộ và Tây Nguyên; cao hơn TBNN từ 1 đến 10 ngày ở Trung Bộ và Nam Bộ (Hình 1.16). Trong tháng 4/2025, SNM thấp hơn TBNN phổ biến từ 1 đến 7 ngày trên đại bộ phận diện tích nước ta; cao hơn TBNN từ 1 đến 5 ngày xảy ra chủ yếu ở Tây Bắc và Nam Bộ (Hình 1.17 và Bảng 1.2).



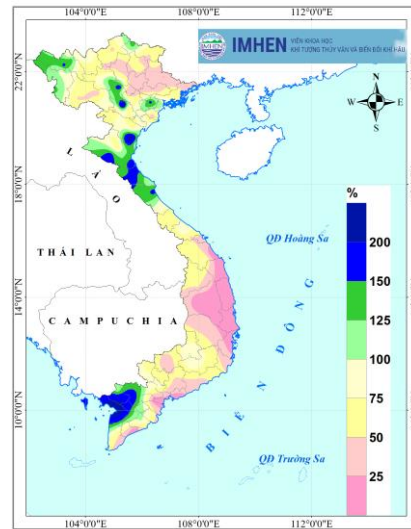
**Hình 1.12. Phân bố tổng lượng mưa mùa 3 tháng 2-4 năm 2025 (mm)**



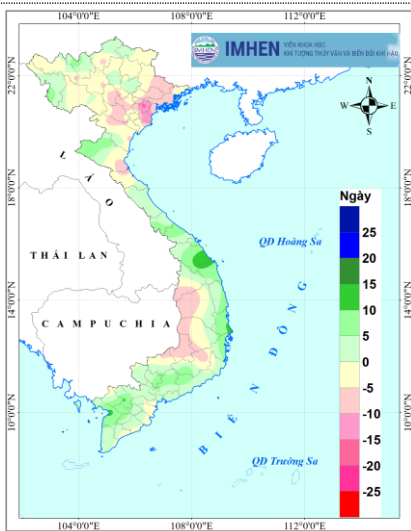
**Hình 1.13. Phân bố tỷ chuẩn lượng mưa mùa 3 tháng 2-4 năm 2025 (%)**



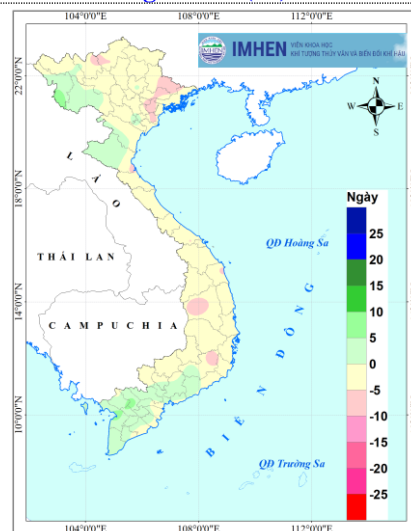
**Hình 1.14. Phân bố lượng mưa tháng 4/2025 (mm)**



**Hình 1.15. Phân bố tỷ chuẩn lượng mưa tháng 4/2025 (%)**



**Hình 1.16. Phân bố chuẩn sai số ngày mưa mùa 3 tháng 2-4 năm 2025 (ngày)**



**Hình 1.17. Phân bố chuẩn sai số ngày mưa tháng 4/2025 (ngày)**

**Bảng 1.2. Đặc trưng lượng mưa tháng 4/2025 tại một số trạm quan trắc**

Trạm	Lượng mưa tháng		Số ngày mưa		LMNLN (mm)
	TLM (mm)	TC (%)	SNM (ngày)	CS (ngày)	
Điện Biên	152	128,5	19	6,4	23
Sơn La	71	62,3	13	0,4	17
Sa Pa	142	64,3	19	1,1	41
Bắc Quang	146	59,5	13	-5,2	66
Lạng Sơn	21	24,2	6	-6,7	13
Thái Nguyên	38	36,4	17	0,8	12
Láng	54	62,0	10	-3,6	30
Bãi Cháy	59	79,1	7	-4,6	44
Phù Liên	83	111,1	11	-2,0	61
Thanh Hoá	99	142,1	11	-0,6	44
Vinh	119	186,9	5	-6,6	56
Huế	63	100,5	6	-4,0	57
Đà Nẵng	18	42,1	4	-1,5	9
Quy Nhơn	0	0,0	1	-3,6	0
Nha Trang	5	13,0	4	-0,9	4
Phan Thiết	10	36,9	3	-0,1	8
Plây cu	4	4,4	2	-6,4	3
B.M. Thuột	47	52,6	5	-3,1	31
Đà Lạt	111	64,3	7	-7,1	44
Tân Sơn Nhất	46	81,6	8	2,6	22
Vũng Tàu	2	6,4	3	-0,5	1
Rạch Giá	207	268,0	13	6,0	42
Cần Thơ	48	117,7	8	2,6	35
Cà Mau	69	61,2	10	2,3	38

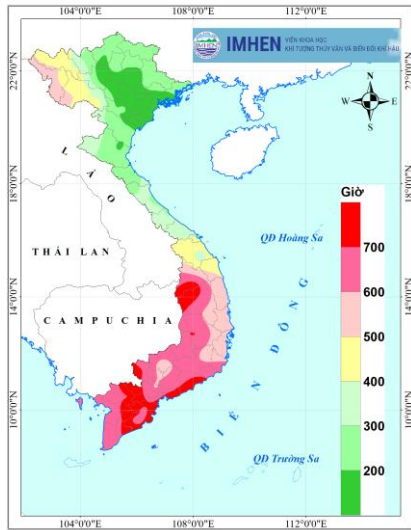
(Chú thích: TLM: Tổng lượng mưa; TC: Tỷ chuẩn; SNM: Số ngày mưa; CS: Chuẩn sai; LMNLN: Lượng mưa ngày lớn nhất).

### 1.2.3. Tổng số giờ nắng, tổng lượng bốc hơi và chỉ số ẩm

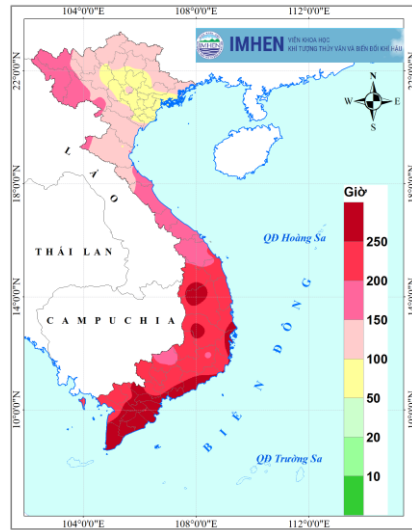
Tổng số giờ nắng (TSGN) mùa 3 tháng 2-4 năm 2025 ở Đông Bắc, Đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ từ 120 đến 400 giờ; khu vực Tây Bắc, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ có TSGN từ 400 đến trên 750 giờ. Trong tháng 4/2025, TSGN ở Đông Bắc, Đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ từ 70 đến 200 giờ; khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên, Nam Trung Bộ và Nam Bộ có TSGN từ 200 đến 270 giờ (Hình 1.18 và Hình 1.19).

Tổng lượng bốc hơi (TLBH) mùa 3 tháng 2-4 năm 2025 ở hầu hết diện tích phía Bắc nước ta từ 120 đến 250 mm; ở phía nam lãnh thổ từ 250 đến 400 mm (Hình 1.20). Trong tháng 4/2025, TLBH trên hầu khắp diện tích phía Bắc từ 50 đến 90 mm; hầu hết diện tích phía Nam nước ta từ 90 đến 150 mm. (Hình 1.21).

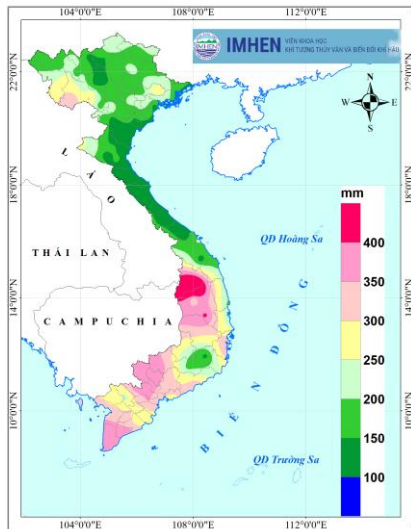
Chỉ số ẩm (A) trong 3 tháng qua có giá trị nhỏ hơn 1 ở phần lớn Bắc Bộ, Tây Nguyên, Nam Trung Bộ và Nam Bộ; A lớn hơn 1 xảy ra chủ yếu ở Bắc Trung Bộ (Hình 1.22). Trong tháng 4/2025, A nhỏ hơn 1 ở phía đông của Bắc Bộ, Trung và Nam Trung Bộ, phía bắc của Tây Nguyên và phần lớn Nam Bộ; A lớn hơn 1 ở phía tây của Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ và phía nam của Tây Nguyên (Hình 1.23).



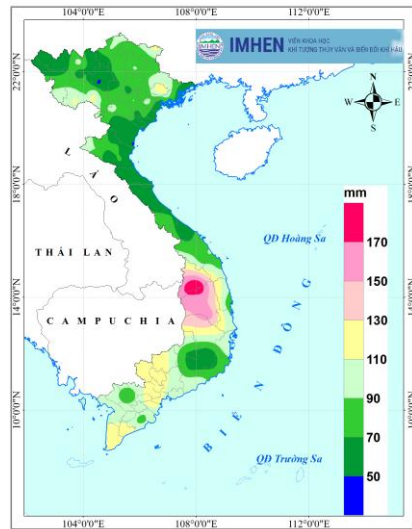
Hình 1.18. Phân bố tổng số giờ nắng mùa 3 tháng 2-4 năm 2025 (giờ)



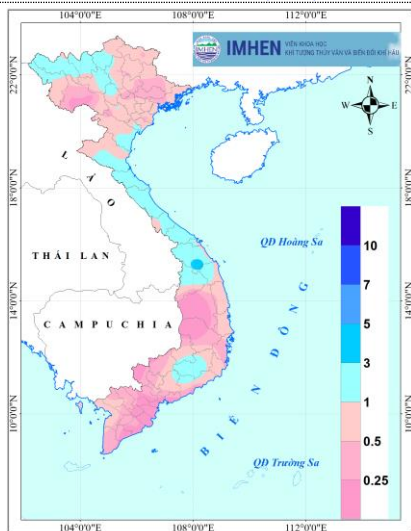
Hình 1.19. Phân bố tổng số giờ nắng tháng 4/2025 (giờ)



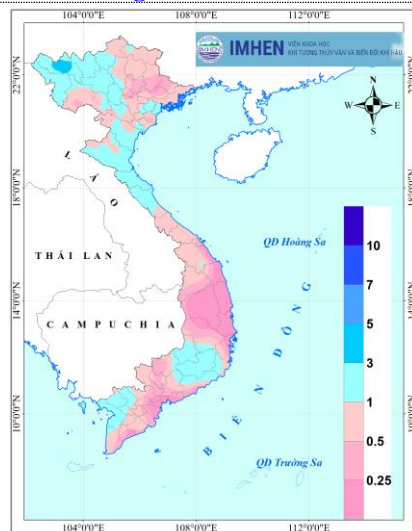
Hình 1.20. Phân bố tổng lượng bốc hơi mùa 3 tháng 2-4 năm 2025 (mm)



Hình 1.21. Phân bố tổng lượng bốc hơi tháng 4/2025 (mm)



Hình 1.22. Phân bố chỉ số ẩm mùa 3 tháng 2-4 năm 2025



Hình 1.23. Phân bố chỉ số ẩm tháng 4/2025

**1.2.4. Một số hiện tượng khí tượng đặc biệt**

*Không khí lạnh (KKL):* Trong mùa 3 tháng qua, có 9 đợt KKL ảnh hưởng đến nước ta, trong đó tháng 2 và tháng 3 có 7 đợt và tháng 4 có 2 đợt. Các đợt KKL trong tháng 4 ảnh hưởng đến nước ta bắt đầu từ các ngày 12/4 và 28/4 gây mưa ở Bắc Bộ và Trung Bộ.

*Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ):* Có 1 ATNĐ hoạt động trên Biển Đông vào tháng 2/2025, không gây ảnh hưởng đến thời tiết đất liền nước ta.

*Mưa lớn:* Có 1 đợt mưa lớn xảy ra vào ngày 13/4/2025 ở Bắc Trung Bộ do ảnh hưởng của KKL, với lượng mưa phổ biến 50-80 mm.

*Đông lốc:* Có 21 trận dông lốc xảy ra trong mùa 3 tháng qua, trong đó, tháng 2, tháng 3 có 10 trận (6 trận kèm mưa đá), tháng 4 có 11 trận (4 trận kèm mưa đá). Các trận dông lốc trong tháng 4/2025 xảy ra ở các tỉnh miền núi phía Bắc, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.

*Nắng nóng:* Trong mùa 3 tháng qua có 6 đợt nắng nóng diện rộng, trong đó tháng 3/2025 có 1 đợt và tháng 4/2025 có 5 đợt. Nắng nóng xảy ra ở Tây Bắc, Đông Bắc vào các ngày 17 – 20/4 và 23 – 24/4, với nhiệt độ tối cao phổ biến 35 – 37°C. Nắng nóng xảy ra ở Bắc và Trung Trung Bộ vào ngày 11 – 12/4 và 18 – 24/4, với nhiệt độ tối cao phổ biến 36 – 39°C. Đợt nắng nóng xảy ra từ ngày 03/4 kéo dài đến cuối tháng ở Đông Nam Bộ có nhiệt độ tối cao phổ biến 35 – 37°C.

**Tình hình thiệt hại do thiên tai có nguồn gốc khí tượng thủy văn (KTTV)**

Thiệt hại do thiên tai có nguồn gốc KTTV trong mùa 3 tháng 2-4 năm 2025 chủ yếu do mưa lớn, sạt lở đất, dông lốc, mưa đá gây ra, cụ thể: có 8 người chết và mất tích, 15 người bị thương, gần 1.600 ngôi nhà bị sập, tốc mái, hư hỏng, trên 16.500 ha lúa và hoa màu, cây ăn quả bị thiệt hại và nhiều thiệt hại khác về công trình giao thông, thủy lợi, về cây công nghiệp,... (Nguồn: <https://phongchongthientai.mard.gov.vn>).

**Diễn biến của khí hậu mùa 3 tháng 2 -4 năm 2025:****(1) Nhiệt độ**

- **Mùa 3 tháng 2-4 năm 2025:** NĐTB mùa 3 tháng 2-4 năm 2025 cao hơn TBNN từ 0,1 đến 1,0°C xảy ra ở Bắc Bộ, Tây Nguyên, cực nam Trung Bộ và Nam Bộ; thấp hơn TBNN từ 0,1 đến gần 1,0°C ở đại bộ phận diện tích Trung Bộ. NĐTCTB thấp hơn TBNN từ 0,1 đến 2,0°C ở Tây Bắc, Trung Bộ, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ; cao hơn TBNN từ 0,1 đến trên 1°C ở Đông Bắc, Đồng bằng Bắc Bộ và Tây Nam Bộ. NĐTTTB cao hơn TBNN từ 0,1 đến gần 2°C trên phần lớn lãnh thổ; thấp hơn TBNN từ 0,1 đến 0,5°C ở Bắc Trung Bộ.
- **Tháng 4/2025:** NĐTB cao hơn TBNN chủ yếu từ 0,1 đến 1,5°C ở hầu hết Đông Bắc, Đồng bằng Bắc Bộ, khu vực Thanh Hóa - Nghệ An, cực nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ; thấp hơn TBNN từ 0,1 đến gần 1°C ở Tây Bắc và khu vực từ Hà Tĩnh đến Bình Định. NĐTCTB cao hơn TBNN từ 0,1 đến gần 3°C trên phần lớn diện tích cả nước; thấp hơn TBNN từ 0,1 đến 2,0°C Tây Bắc và Trung Trung Bộ. NĐTTTB cao hơn TBNN chủ yếu từ 0,1 đến 1,5°C trên đa phần diện tích cả nước, thấp hơn TBNN từ 0,1 đến 0,8°C ở Bắc và Trung Trung Bộ.
- **Cực trị nhiệt độ tháng 4/2025:** Giá trị lớn nhất quan trắc được trong tháng 4/2025 là 40,4°C tại Con Cuông (Nghệ An) vào ngày 22. Giá trị thấp nhất trong tháng 4/2025 là 6,7°C quan trắc được tại Sa Pa (Lào Cai) vào ngày 1.

**(2) Lượng mưa**

- **Mùa 3 tháng 2-4 năm 2025:** TLM thấp hơn TBNN ở Bắc Bộ, Tây Nguyên và phần lớn Nam Bộ, với tỷ chuẩn lượng mưa chủ yếu từ 25 đến 90%. Lượng mưa cao hơn TBNN xảy ra chủ yếu ở Trung Bộ, với tỷ chuẩn lượng mưa từ trên 100 đến 170%.
- **Tháng 4/2025:** TLM thấp hơn TBNN trên đại bộ phận diện tích cả nước, trong đó một phần nhỏ Đông Bắc, Nam Trung Bộ và Bắc Tây Nguyên có tỷ chuẩn lượng mưa dưới 50%. Lượng mưa cao hơn TBNN tập trung chủ yếu ở phía bắc của Bắc Trung Bộ và Tây Nam Bộ, với tỷ chuẩn từ trên 100 đến 180% LMNLN phổ biến từ 5 đến 80 mm, với giá trị lớn nhất là 102 mm quan trắc được tại Tam Đường (Lai Châu) vào ngày 13.

**(3) Hiện tượng cực đoan**

- **Trong mùa 3 tháng 2-4 năm 2025,** có 9 đợt KKL, có 1 XTNĐ hoạt động trên Biển Đông, 1 đợt mưa lớn diện rộng, có 21 trận dông lốc và 6 đợt nắng nóng diện rộng xảy ra trên lãnh thổ nước ta.

**PHẦN II: DỰ BÁO KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 6-8 NĂM 2025****2.1. Dự báo hiện tượng ENSO và khí hậu khu vực****2.1.1. Hiện tượng ENSO**

Bản tin của CPC (ngày 08/05/2025): Hiện tại, điều kiện khí quyển và đại dương phản ánh ENSO ở trạng thái trung tính. Trạng thái trung tính được nhận định sẽ duy trì trong mùa 3 tháng 6-8 với xác suất khoảng 70-75%, sau đó giảm dần trong mùa 3 tháng 7-9 với xác suất khoảng 60-65%.

Dự báo của IRI, đối với SSTA mùa tháng 6-8 năm 2025: Trên khu vực xích đạo TBD, SSTA phổ biến từ 0,25 đến 1,0°C ở phía Tây; từ -0,5 đến 0,2°C ở Trung tâm và phía Đông. SSTA từ -1,0 đến 0,25°C trên khu vực xích đạo Đại Tây Dương và từ -0,25 đến 1°C trên khu vực xích đạo Ấn Độ Dương. Trên khu vực Biển Đông, SSTA phổ biến từ -0,25 đến 0,5°C (Hình 2.1). Giống với CPC, IRI cũng nhận định ENSO sẽ duy trì trạng thái trung tính trong mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 với xác suất 70-75%.

Dự báo của Trung tâm Dự báo Thời tiết Hạn vừa châu Âu (ECMWF): SSTA trong mùa 6-8 năm 2025 tại khu vực NINO3.4 có giá trị phổ biến từ -0,3°C đến 1°C (Hình 2.2). Theo Cơ quan Khí tượng Úc (BOM), ENSO cũng sẽ duy trì trạng thái trung tính trong mùa 3 tháng 6-8 năm 2025.

**Hiện tại, điều kiện khí quyển và đại dương phản ánh ENSO ở trạng thái trung tính. Dự báo ENSO sẽ duy trì trạng thái trung tính trong mùa 3 tháng 6-8 năm 2025, với xác suất khoảng 70-75%.**

**2.1.2. Dự báo khí hậu khu vực****Nhiệt độ:**

Theo dự báo của IRI, NĐTĐ mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 có khả năng xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở hầu hết Châu Á với xác suất từ 40 đến trên 70%. Trên khu vực Việt Nam, NĐTĐ có khả năng cao hơn TBNN ở Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Nam Bộ với xác suất 50-70%; xấp xỉ đến thấp hơn TBNN ở Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, với xác suất 40-60% (Hình 2.3).

Theo dự báo của ECMWF, NĐTĐ mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 có xu thế xấp xỉ đến cao hơn TBNN từ 0 đến trên 2,0°C ở hầu hết Châu Á, riêng khu vực Nam Á ở mức xấp xỉ đến thấp hơn so với TBNN từ 0-1,0°C. Trên khu vực Việt Nam, NĐTĐ cao hơn TBNN từ 0-0,5°C (Hình 2.4). Ngoài ra, một số cơ quan khí tượng của Anh, Mỹ, Nhật Bản, Pháp, Úc đều cho kết quả dự báo xu thế nhiệt độ trên khu vực Việt Nam mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 có xu thế xấp xỉ đến cao hơn TBNN.

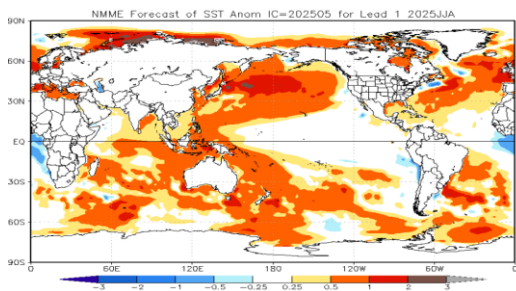
**Nhận định: Kết quả dự báo của các mô hình trên thế giới cho thấy trong mùa 3 tháng 6-8 năm 2025, nhiệt độ có khả năng xấp xỉ đến cao hơn giá trị TBNN trên phạm vi cả nước.**

**Lượng mưa:**

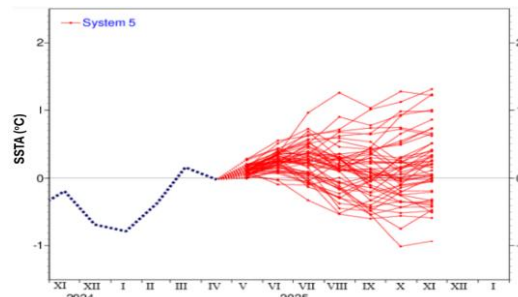
Theo dự báo của IRI, TLM mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở phần lớn diện tích Châu Á với xác suất từ 40 đến trên 70%; xấp xỉ đến thấp hơn TBNN ở phần lớn diện tích của Tây Á, một phần diện tích Bắc Á, Đông Á, Nam Á với xác suất từ 40 đến 70% (Hình 2.5). Trên khu vực Việt Nam, TLM xấp xỉ TBNN ở phần lớn diện tích cả nước, riêng khu vực Nam Bộ TLM ở mức thấp hơn TBNN với xác suất trên 40%.

Theo dự báo của ECMWF, TLM xấp xỉ đến cao hơn TBNN từ 0 đến 200 mm ở phần lớn diện tích của Nam Á, Tây Á, Đông Nam Á, một phần diện tích của Bắc Á, Đông Á; xấp xỉ đến thấp hơn TBNN từ 0 đến 50 mm ở một phần diện tích Trung Á, Đông Á, Bắc Á. Trên khu vực Việt Nam, TLM xấp xỉ TBNN ở khu vực Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ, Nam Bộ; xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở khu vực Tây Nguyên, Nam Trung Bộ và Nam Bộ (Hình 2.6). Ngoài ra, một số cơ quan khí tượng của Úc, Pháp, Mỹ cho kết quả dự báo TLM trên khu vực Việt Nam ở mức xấp xỉ TBNN. Trong khi đó cơ quan khí tượng của Nhật Bản, Anh cho kết quả dự báo giống với ECMWF, TLM khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Nam Bộ ở mức xấp xỉ đến cao hơn TBNN với xác suất từ 50-60%, các khu vực khác ở mức xấp xỉ TBNN.

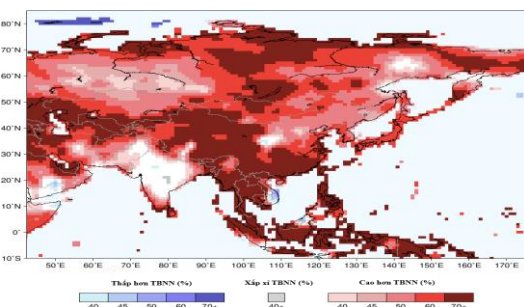
**Nhận định: Kết quả dự báo của các mô hình trên thế giới cho thấy trong mùa 3 tháng 6-8 năm 2025, TLM có khả năng xấp xỉ TBNN ở hầu hết cả nước.**



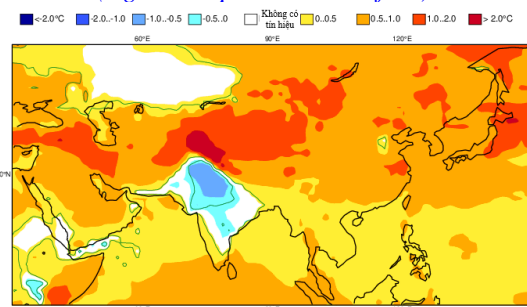
**Hình 2.1. Dự báo SSTA mùa 3 tháng 6-8 năm 2025**  
(Nguồn: <http://iridl.ldeo.columbia.edu>)



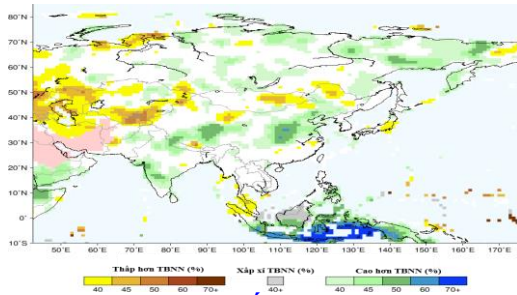
**Hình 2.2. Dự báo SSTA tại khu vực NINO3.4 mùa 3 tháng 6-8 năm 2025**  
(Nguồn: <http://www.ecmwf.int>)



**Hình 2.3. Dự báo xác suất nhiệt độ mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 cho khu vực châu Á**  
(Nguồn: <http://iri.columbia.edu>)

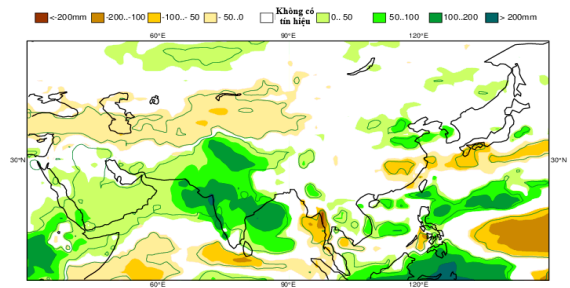


**Hình 2.4. Dự báo chuẩn sai nhiệt độ mùa 3 tháng 6-8 năm 2025**  
(Nguồn: <http://www.ecmwf.int>)



Hình 2.5. Dự báo xác suất lượng mưa mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 cho khu vực châu Á

(Nguồn: <http://iri.columbia.edu>)



Hình 2.6. Dự báo chuẩn sai lượng mưa mùa 3 tháng 6-8 năm 2025

(Nguồn: <http://www.ecmwf.int>)

## 2.2. Dự báo khí hậu cho Việt Nam

### 2.2.1. Dự báo nhiệt độ

Theo mô hình thống kê của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, NĐTĐ mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 có khả năng thấp hơn TBNN ở Trung Bộ, phía Bắc của Tây Nam Bộ và phần một phần diện tích của Bắc Bộ, Đông Nam Bộ với xác suất từ 55 đến trên 77%; cao hơn TBNN phần lớn diện tích của Bắc Bộ, Đông Nam Bộ và một phần diện tích của Tây Nguyên với xác suất từ 55 đến trên 77%. Chuẩn sai nhiệt độ được dự báo phổ biến từ dưới -1,5 đến 1,5°C (Hình 2.7, Bảng 2.1).

### 2.2.2. Dự báo lượng mưa

Theo mô hình thống kê của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, TLM mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 có khả năng xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở hầu hết các khu vực Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ, một phần diện tích Bắc Bộ với xác suất phổ biến từ 55 đến trên 77%; thấp hơn TBNN ở phần lớn diện tích Bắc Bộ, phía Bắc Bắc Trung Bộ và một phần diện tích của Tây Nguyên, Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ với xác suất từ 55% đến trên 77% (Hình 2.8, Bảng 2.1). Chuẩn sai TLM mùa 3 tháng được dự báo phổ biến từ -400 mm đến 400 mm.

### 2.2.3. Hiện tượng cực đoan

Theo số liệu thống kê trung bình mùa 3 tháng 6-8 thời kỳ 1991-2020 có khoảng 5 XTNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và 2 đến 3 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam.

Số lượng XTNĐ hoạt động trên Biển Đông và ảnh hưởng đến Việt Nam trong năm 2025 có khả năng ở mức xấp xỉ đến thấp hơn TBNN (TBNN: 12-13 XTNĐ trên Biển Đông và 6-7 XTNĐ ảnh hưởng đến Việt Nam), tập trung vào đầu và giữa mùa bão. Số lượng bão mạnh (từ cấp 12 trở lên) hoạt động trên khu vực Biển Đông có khả năng ở mức xấp xỉ đến cao hơn TBNN. Trong mùa 3 tháng 6-8 năm 2025, số lượng XTNĐ hoạt động trên Biển Đông và ảnh hưởng đến Việt Nam có khả năng xấp xỉ đến cao hơn TBNN (TBNN: khoảng 5 cơn trên Biển Đông và 2-3 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam).

## PHẦN III: NHẬN ĐỊNH KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 6-8 NĂM 2025

### Một số nhận định chính về khí hậu mùa 3 tháng 6-8 năm 2025

Trên cơ sở phân tích diễn biến khí hậu và kết quả dự báo khí hậu (kết quả mô hình thống kê và động lực của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, bản tin của các trung tâm dự báo khí hậu trên thế giới), một số nhận định khí hậu mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 như sau:

#### 1) Hoạt động của ENSO:

- Hiện tại, điều kiện khí quyển và đại dương phản ánh ENSO đang ở trạng thái trung tính. Dự báo ENSO sẽ duy trì trạng thái trung tính trong mùa 3 tháng 6-8 năm 2025, với xác suất khoảng 70-75%.

#### (2) Gió mùa:

- Cường độ GMMH ở mức xấp xỉ TBNN. Thời điểm kết thúc GMMH có khả năng xấp xỉ TBNN.

#### (3) Nhiệt độ:

- Trong mùa 3 tháng 6-8 năm 2025, nhiệt độ có khả năng xấp xỉ đến cao hơn giá trị TBNN trên phạm vi cả nước.

#### (4) Lượng mưa:

- Trong mùa 3 tháng 6-8 năm 2025, TLM có khả năng xấp xỉ TBNN ở hầu hết cả nước.

#### (5) Hiện tượng cực đoan

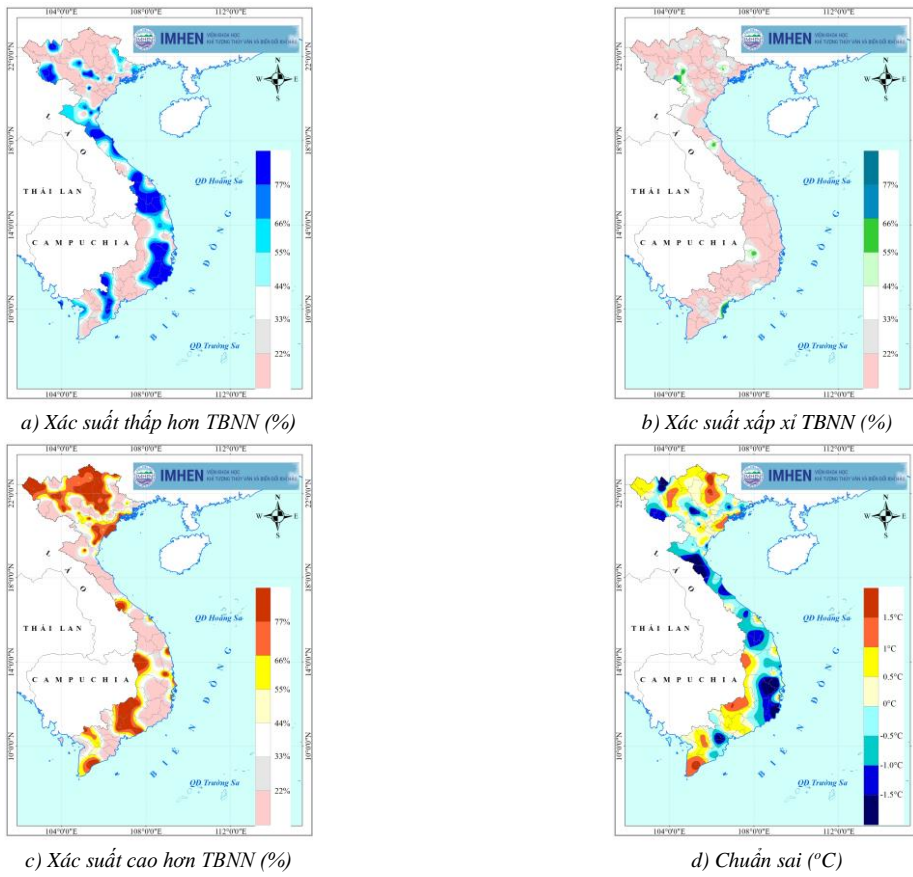
##### *Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ):*

- Số XTNĐ hoạt động trên Biển Đông và ảnh hưởng đến Việt Nam trong năm 2025 có khả năng ở mức xấp xỉ đến thấp hơn TBNN (TBNN: 12-13 XTNĐ trên Biển Đông và 6-7 XTNĐ ảnh hưởng đến Việt Nam), tập trung nhiều vào đầu và giữa mùa bão. Số lượng bão mạnh (từ cấp 12 trở lên) hoạt động trên khu vực Biển Đông có khả năng ở mức xấp xỉ đến cao hơn TBNN.

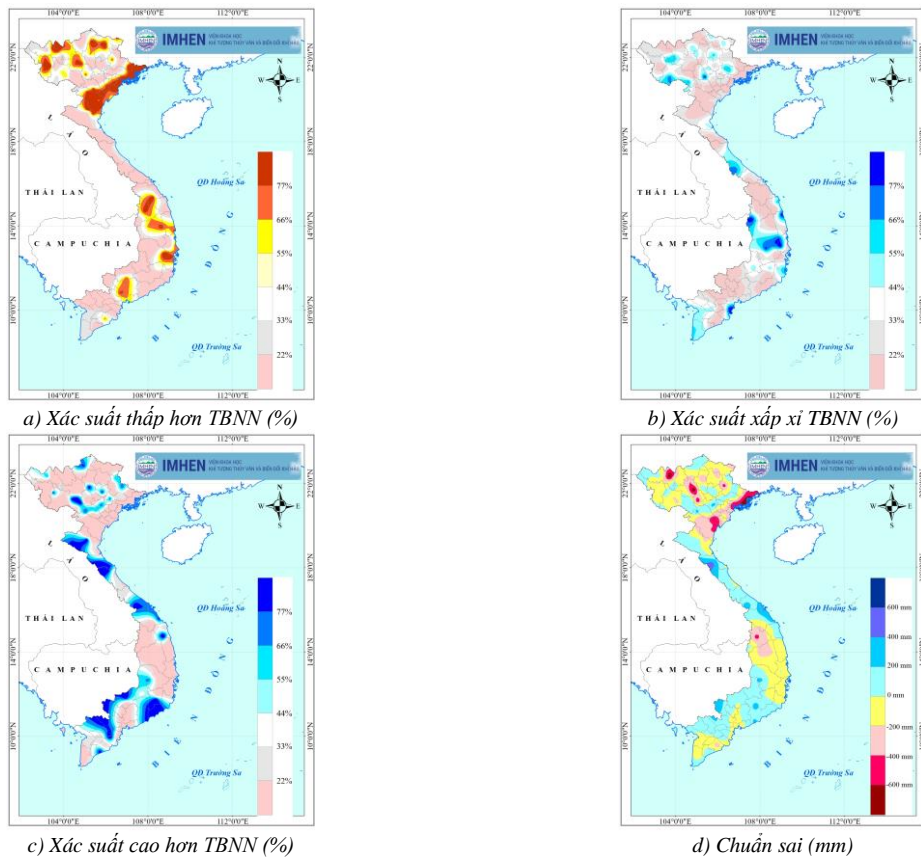
- Trong mùa 3 tháng 6-8 năm 2025, số lượng XTNĐ hoạt động trên Biển Đông và ảnh hưởng đến Việt Nam có khả năng xấp xỉ đến cao hơn TBNN (TBNN: khoảng 5 cơn trên Biển Đông và 2-3 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam).

##### *Nắng nóng:*

- Trong mùa 3 tháng 6-8 năm 2025, nắng nóng có khả năng xảy ra diện rộng ở Bắc Bộ và Trung Bộ. Cường độ nắng nóng ít gay gắt hơn so với năm 2024.



Hình 2.7. Dự báo xác suất (a,b,c) và chuẩn sai (d) nhiệt độ mùa 3 tháng 6-8 năm 2025



Hình 2.8. Dự báo xác suất (a, b, c) và chuẩn sai (d) lượng mưa mùa 3 tháng 6-8 năm 2025

Bảng 2.1. Dự báo xác suất nhiệt độ và lượng mưa mùa 3 tháng 6-8 năm 2025

STT	Trạm	Nhiệt độ				Lượng mưa			
		PV1 <sup>(*)</sup> (°C)	XSHC (%)	PV2 (°C)	X SVC (%)	PV1 (mm)	XSHC (%)	PV2 (mm)	X SVC (%)
<i>Tây Bắc</i>									
1	Mường Tè	26,1	0	26,4	69,2	1321,2	28,6	1648,1	14,3
2	Sìn Hồ	19,7	0	19,9	84,6	1451,2	6,3	1637,7	68,8
3	Lai Châu	26,5	14,3	26,7	71,4	1169,7	76,9	1368,7	0
4	Điện Biên	25,6	75	25,9	0	817,1	75	972,8	0
5	Tuần Giáo	25	64,3	25,3	7,1	792,5	100	1002,3	0
6	Sơn La	24,9	0	25,1	72,7	708,2	58,3	811,2	8,3
7	Quỳnh Nhai	27,1	0	27,4	91,7	872,7	28,6	997	7,1
8	Sông Mã	26,1	78,6	26,3	0	565,2	28,6	737,5	0
9	Yên Châu	26,6	18,2	27	0	601	25	764,2	25
10	Mộc Châu	22,8	21,4	23	28,6	787,8	12,5	907,4	18,8
<i>Đông Bắc</i>									
1	Sa Pa	19,6	68,8	19,8	6,3	1222,8	75	1369,8	6,3
2	Hà Giang	27,4	0	27,7	80	1299,4	6,7	1467,4	80
3	Bắc Quang	27,5	0	27,8	64,3	2249,2	18,8	2710,8	25
4	Cao Bằng	26,7	22,2	27,1	33,3	676,9	30	860,4	15
5	Lạng Sơn	26,6	69,2	27	0	542,3	0	749	75
6	Tuyên Quang	28	0	28,5	90,9	744,1	0	926,5	91,7
7	Thái Nguyên	28,2	0	28,4	71,4	956,7	0	1254,3	83,3
8	Yên Bái	27,8	90	28,1	0	835,2	84,6	1127,8	0
9	Móng Cái	27,7	0	27,8	76,9	1357,5	85,7	1627,7	0
<i>Đông Bằng Bắc Bộ</i>									
1	Vĩnh Yên	28,7	0	29	100	670,4	60	868,9	10
2	Việt Trì	28,4	92,3	28,7	0	684,2	35,7	825,4	21,4
3	Bắc Giang	28,6	0	28,8	83,3	685,7	0	881,4	75
4	Hải Dương	28,7	90,9	28,8	0	636,1	68,8	836,6	0
5	Hoà Bình	28,1	0	28,5	88,9	786,5	5,6	982,9	66,7
6	Phù Lãng	27,9	0	28,2	66,7	687,7	87,5	886,9	0
7	Nam Định	28,7	0	29	72,7	666	76,9	812,6	0
8	Thái Bình	28,5	0	28,8	83,3	590,8	85,7	797,5	0
9	Ninh Bình	28,7	6,3	28,9	62,5	676,6	78,6	827	0
<i>Bắc Trung Bộ</i>									
1	Thanh Hoá	28,6	6,7	29	80	489,4	80	783,6	0
2	Bãi Thượng	28	33,3	28,5	25	739,4	85,7	928,4	0
3	Vinh	29	69,2	29,4	0	339,3	40	495,4	13,3
4	Tương Dương	27,6	62,5	28	0	423,5	0	616	77,8
5	Hà Tĩnh	28,9	90	29,5	0	391,1	0	576,6	66,7
6	Tuyên Hoá	28,6	25	29,1	8,3	404,7	0	578,8	83,3
7	Đông Hới	29,1	92,3	29,7	0	232,4	29,4	354,3	23,5
8	Đông Hà	29	0	29,6	100	242,5	0	323,1	71,4
9	Huế	28,9	100	29,3	0	230,1	0	352,5	66,7
10	A Lưới	24,7	87,5	25,1	0	453,6	0	650,9	88,9
<i>Nam Trung Bộ</i>									
1	Đà Nẵng	29	0	29,2	75	219,1	0	326,1	76,5
2	Tam Kỳ	28,6	87,5	28,9	0	186,5	0	339,6	80
3	Trà My	26,8	87,5	27	0	512,5	87,5	715,8	0
4	Quảng Ngãi	28,6	64,3	28,9	0	279,1	25	368,9	16,7
5	Ba Tơ	27,8	83,3	28,2	0	357	0	459,5	100
6	Quy Nhơn	29,7	76,9	30	0	130	80	189,8	6,7
7	Tuy Hoà	28,9	0	29,2	78,6	109	75	154,3	8,3
8	Sơn Hoà	28,1	100	28,7	0	273	0	343,3	14,3
9	Nha Trang	28,2	9,1	28,6	81,8	107,1	66,7	164,7	0
10	Trường Sa	28,2	87,5	28,5	0	679,7	0	743	75
<i>Tây Nguyên</i>									
1	Kon Tum	24,2	0	24,4	81,8	822	14,3	903,6	0

**Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu**

STT	Trạm	Nhiệt độ				Lượng mưa			
		PV1(*) (°C)	XSHC (%)	PV2 (°C)	X SVC (%)	PV1 (mm)	XSHC (%)	PV2 (mm)	X SVC (%)
2	Đắc Tô	23,3	100	23,5	0	879,6	83,3	975,8	0
3	Pleiku	22,3	0	22,7	92,3	1072,5	69,2	1296,5	0
4	Ayunpa	26,9	0	27,2	100	374,3	0	464,3	22,2
5	M'Đrak	25,6	100	25,9	0	294,5	100	364,5	0
6	Đắc Nông	22,8	0	23	83,3	1100,8	12,5	1369	37,5
7	Đà Lạt	18,6	100	18,8	0	604,3	40	692,4	10
8	Liên Khương	21,6	91,7	21,9	0	500,3	0	574	91,7
9	Bảo Lộc	22	80	22,2	0	1038,6	0	1214,9	70,6
<i>Nam Bộ</i>									
1	Phan Thiết	27,1	29,4	27,4	17,6	432,9	0	524,3	90,9
2	Phước Long	25,4	0	25,8	87,5	1142,9	0	1351,5	88,9
3	Vũng Tàu	26,6	15,8	27,7	21,1	585,3	66,7	707,8	0
4	Mỹ Tho	27,1	88,9	27,3	0	491,9	0	629,4	69,2
5	Cần Thơ	26,7	0	26,9	66,7	627,5	25	732,5	25
6	Rạch Giá	27,8	83,3	28	0	842,5	23,8	1029,2	28,6
7	Phước Quốc	27,4	81,3	27,6	0	1257,3	37,5	1515,7	12,5
8	Sóc Trăng	27	72,7	27,2	0	744,2	71,4	875,8	14,3
9	Cà Mau	27,1	0	27,4	84,6	945	26,3	1142	21,1

(\*) PV1 - Phân vị thứ nhất (trị số ứng với xác suất tích lũy 33 %)

PV2 - Phân vị thứ hai (trị số ứng với xác suất tích lũy 67 %)

XSHC - Xác suất thấp hơn TBNN (xác suất để nhiệt độ và lượng mưa nhỏ hơn PV1)

X SVC - Xác suất cao hơn TBNN (xác suất để nhiệt độ và lượng mưa lớn hơn PV2)

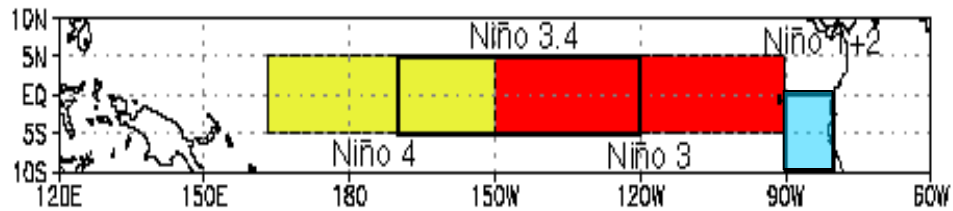
## MỘT SỐ KHÁI NIỆM VỀ ENSO

**El Nino:** El Nino là khái niệm dùng để chỉ hiện tượng nóng lên không bình thường của lớp nước mặt thuộc vùng biển phía đông xích đạo Thái Bình Dương (TBD) kéo dài từ 3 mùa trở lên, El Nino còn được gọi là "pha nóng".

**La Nina:** Ngược với El Nino, La Nina là khái niệm dùng để chỉ hiện tượng lạnh đi không bình thường của lớp nước mặt thuộc vùng biển phía đông xích đạo TBD kéo dài từ 3 mùa trở lên, La Nina còn được gọi là "pha lạnh".

**Trạng thái trung gian:** Khi nhiệt độ mặt nước biển ở trạng thái nằm giữa "pha nóng" và "pha lạnh" được gọi là trạng thái trung gian.

**Xích đạo TBD** là khu vực nằm trong khoảng 20°N - 20°S, 100°E - 60°W.



Để xác định các hiện tượng El Nino/La Nina người ta thường dùng trị số chuẩn sai của nhiệt độ mặt nước biển của 4 khu vực NINO1+2, NINO3, NINO4, NINO3,4 thuộc xích đạo TBD. Vị trí của 4 khu vực này được nêu ở hình trên.

**Dao động Nam (SO):** SO là khái niệm dùng để chỉ hiện tượng dao động của chênh lệch khí áp giữa tây và trung tâm xích đạo TBD.

**Chỉ số Dao động Nam (SOI):** SOI được xác định thông qua chênh lệch khí áp mặt biển giữa 2 trạm Tahiti và Darwin.

**ENSO:** Do 2 hiện tượng El Nino/La Nina (đại dương) và SO (khí quyển) xảy ra trên xích đạo TBD có quan hệ mật thiết với nhau nên chúng được liên kết lại thành một hiện tượng kép, gọi tắt là ENSO./.